TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HSST
Ngày: 11-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lợi;

Ông Trương Văn Hăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2021/HSST ngày 12/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn G, sinh năm: 1986; tại An Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1961 và bà Lê Thị L, sinh năm 1960; Anh em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo Lê Văn G bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2021 đến nay. Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 07/9/2021, Lê Văn G đi bộ một mình từ nhà thuộc ấp T, thị trấn L đến tiệm bán tạp hóa của bà Nguyễn Thị D (cách nhà G 01 căn nhà). Tại đây, G quan sát thấy không có ai, cửa tiệm bán tạp hóa của chị D có khóa cửa sắt, phía bên hông bên trái cửa có khe hở nên G đột nhập vào bên trong lấy trộm số tiền 4.359.000 đồng và những mặt hàng gồm: 06 quần Jean ống dài; 02 dây nịt; 01 đôi giày da, 01 đôi dép da; 01 nón lưỡi trai; 06 bịch cà phê; 01 bịch trà; 03 dao cạo râu; 02 kilogam đường cát; 10 bao thuốc lá nhãn hiệu 555; 20 bao thuốc lá nhãn hiệu BAYON; 14 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 08 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 01 cái ba lô màu đen. Tất cả những món đồ trên, G để hết vào bọc ni lông rồi đem về nhà mình cất giấu phía sau nhà bếp. Đến 07 giờ ngày 08/9/2021, Công an thị trấn L tiếp nhận tin báo của bà D nên rà soát đối tượng và mời G về trụ sở làm việc. Qua làm việc, G thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của bà Nguyễn Thị D qua đó tiến hành thu giữ những tài sản đã trộm tại nhà của G.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam: 4.359.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi chính nghìn đồng); 06 (sáu) quần Jean ống dài (04 cái màu xanh nhãn hiệu DSQ2; 01 cái màu đen nhãn hiệu DSQ2**;** 01 cái màu đen nhãn hiệu Gucci); 01 (một) dây nịt (thắt lưng) da màu đen, mặt bằng kim loại màu sơn vàng; 01 (một) đôi giày da, loại giày Tây, da giày màu đen, nhãn hiệu Fashion; 01 (một) đôi dép da màu sơn đen - trắng, nhãn hiệu Dior; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen nhãn hiệu DSQ2; 06 (sáu) bịch cà phê, nhãn hiệu Wake cup Sài Gòn (01 bịch 24 gói), chưa sử dụng; 01 (một) bịch trà nhãn hiệu Giai Hưng, chưa sử dụng; 03 (ba) dao cạo râu nhãn hiệu Schichk, chưa sử dụng; 02 (hai) kilogam đường cát trắng, chưa sử dụng; 10 (mười) bao thuốc lá, nhãn hiệu 555 Việt Nam, chưa sử dụng; 20 (hai mươi) bao thuốc lá, nhãn hiệu BAYON, chưa sử dụng; 14 (mười bốn) bao thuốc lá nhãn hiệu JET, chưa sử dụng; 08 (tám) bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, chưa sử dụng; 01 (một) ba lô màu đen Nhãn hiệu TIRI ORIGONAL; 01 (một) dây nịt da màu đen, mặt bằng kim loại.

Lời khai bị hại D phù hợp với nội dung vụ án, bà đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày: Ông không hề hay biết việc G lấy trộm tài sản của bà D cũng như sau khi chiếm đoạt dược tài sản đem về nhà cất giấu, phía G không nói cũng không bàn bạc với ông về việc lấy trộm tài sản này.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐG.TTHS ngày 13/9/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A**:** Tổng trị giá tài sản những mặt hàng trên là 2.931.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Tổng tài sản mà bị cáo Lê Văn G lấy trộm của bị hại là 7.290.000 đồng (Bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng). Ngày 11/09/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Lê Văn G.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo G khai nhận thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; kết luận

định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên , bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản , vật chứng thu giữ. Cáo trạng số: 70/CT - VKSAP ngày 31/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Lê Văn G về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, khai nhận phù hợp với nội dung vụ án. Bị cáo khai nhận gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, tuy nhiên tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không cung cấp tài liệu đã nêu và xác định tự mình bào chữa mà không yêu cầu người bào chữa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên truy tố như Cáo trạng đã nêu. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giang với mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho bị hại và bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã xử lý đúng theo quy định nên không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị D có hành vi mua bán hàng cấm trên thị trường Việt Nam nhưng xét thấy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan có thẩm quyền đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với D là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 07/9/2021, bị cáo Lê Văn G đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 4.359.000 đồng và tài sản khác gồm: 06 quần Jean ống dài; 02 dây nịt; 01 đôi giày da, 01 đôi dép da; 01 nón lưỡi trai; 06 bịch cà phê; 01 bịch trà; 03 dao cạo râu; 02 kilogam đường cát; 10 bao thuốc lá nhãn hiệu 555; 20 bao thuốc lá nhãn hiệu BAYON; 14 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 08 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 01 cái ba lô màu đen; tổng giá trị tài sản định giá là 2.931.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 7.290.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bà D nhưng vẫn lét lút lấy trộm là thể hiện ở lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Lê Văn G về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo là con lớn trong gia đình lẽ ra phải lao động chân chính tạo thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và gia đình, làm gương cho em mình nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là chiếm đoạt tài sản của bà D. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không an tâm lao động sản xuất. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị lấy trộm bị hại đã được nhận lại, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế được quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Thống nhất với quan điểm Kiểm sát viên là bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Thị D có hành vi mua bán hàng cấm trên thị trường Việt Nam. Hành vi của bà D chưa thỏa điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A xử lý xong và việc xử lý bằng hình thức giao trả lại cho người bị hại là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136; Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội *"*Trộm cắp tài sản*"*.

Xử phạt bị cáo Lê Văn G 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 08/9/2021.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Văn G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sang